TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **27**/2026/HS-ST
Ngày: 08 – 4 – 2026.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Phạm Gắng .

+ Ông Nguyễn Văn Hiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2025/TLST -HS ngày 08 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 04/2026/TB –TA ngày 02 tháng 02 năm 2026 và số 07/2026/TB – TA ngày 02 tháng 3 năm 2026; quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST – HS ngày 24 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Vĩnh K; sinh ngày 28/4/2002 tại X, Đắk Lắk; Nơi cư trú: thôn E, xã X, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Nhân viên bán xăng (làm thuê); Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số thẻ CCCD: 054202009249, ngày cấp: 18/02/2023, nơi cấp: Cục C về TTXH – Bộ C1. Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 và bà Lê Thị Hiền T1, sinh năm 1981. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1986. Nơi cư trú: thôn D, xã X, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971. Nơi cư trú: thôn E, xã X, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Bà Đỗ Thị Thúy D, sinh năm 2002. Nơi cư trú: thôn E, xã X, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981. Nơi cư trú: thôn E, xã X, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Gia H1, sinh năm 2004. Nơi cư trú: thôn E, xã X, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Bà Đỗ Thị T3, sinh năm 1991. Nơi cư trú: thôn D, xã X, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1981. Nơi cư trú: thôn B, xã X, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Đỗ Hữu T4, sinh năm 1971. Nơi cư trú: thôn E, xã X, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Lê Thị Hiền T1, sinh năm 1981. Nơi cư trú: thôn E, xã X, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

4. Nguyễn Văn N, sinh năm 1968. Nơi cư trú: thôn E, xã X, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

5. Nguyễn Văn K1, sinh năm 1997. Nơi cư trú: thôn E, xã X, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 10/4/2025, bà Đỗ Thị T3 đến nhà ông Nguyễn Văn T tại thôn E, xã X, tỉnh Đắk Lắk để đòi nợ, giữa ông T và T3 xảy ra tranh cãi, ông T dùng tay đánh 02 cái vào mặt bà T3 nhưng không gây thương tích. Bà T3 gọi điện thoại cho bà Nguyễn Thị H (mẹ ruột của T3) biết, sau đó Đỗ Thị Thúy D (em ruột T3) chở bà H đến nhà ông T thì tiếp tục xảy ra cãi vã, xô xát, đánh nhau bằng tay

với ông T. Lúc này, Nguyễn Vĩnh K đứng trong nhà thấy ông T (cha ruột của K) bị xô xát thì cầm 01 con dao và hăm dọa "Tụi bay đi về chứ tao chém hết" đối với gia đình T3. Thấy vậy, T3 đi tới dùng tay tát 01 cái vào mặt K, K đẩy T3 ra và cất dao đi. Sau đó, T3 gọi điện cho chồng là Nguyễn Thanh H2 biết sự việc. K thấy bà T3 gọi thêm người thì điều khiển xe mô tô đi chở Nguyễn Gia H1 (em ruột K) về nhà và nói với H1 là "người nhà bà H kéo xuống đánh ba". Khi K và H1 vừa về tới nhà, thấy ông H2 đang đứng phía ngoài đường cãi nhau với ông T, lúc này ông T nói "dí thằng H2" , H1 chạy vào sau bếp lấy 01 cái rựa, K chạy lại vị trí khay bia bên hông nhà lấy 02 vỏ chai bia nhãn hiệu Qui Nhơn rồi cùng rượt đuổi theo để đánh ông H2. K đuổi theo trước, trong lúc rượt đuổi K có ném 02 vỏ chai bia về phía ông H2 nhưng không trúng; H1 cầm rựa đuổi theo ông H2 nhưng không kịp. Sau đó, H1 cầm rựa đi về, bị ông Nguyễn Văn N ngăn chặn giật lấy cây rựa. Riêng ông T đang đi về, thấy ông Đỗ Hữu T4 (chồng bà H) chạy xe mô tô đi đến, ông T tiến tới tranh cãi rồi đá vào chân ông T4 làm ông T4 ngã bệt xuống đất nhưng không gây ra thương tích. Sau đó ông Nguyễn Văn T2 (em ruột bà H) biết sự việc nên cũng đi đến xem, giữa ông T và ông T2 xảy ra tranh cãi to tiếng, xô xát với nhau bằng tay. Lúc này, K đang đi bộ về nhà, nhìn thấy ông T2 xô xát với ông T trước cổng nhà, K chạy vào trong nhà lấy 02 vỏ chai bia nhãn hiệu Qui Nhơn rồi cầm 01 vỏ chai bia bằng tay trái đánh 01 cái từ trên xuống trúng vào vùng đầu phía sau của ông T2 gây thương tích và làm vỡ chai bia. Ông T2 bị đánh nên xoay người lại, K tiếp tục dùng vỏ chai bia đã vỡ đánh 01 cái nữa trúng vùng mắt bên phải của ông T2 gây thương tích chảy máu. Lúc này bà H đến can ngăn, K dùng tay phải cầm 01 vỏ chai bia còn nguyên đánh 01 cái vào vùng đầu bên trái của bà H gây thương tích và làm vỡ vỏ chai bia. Thấy vậy bà D chạy tới để ngăn cản, K dùng phần vỏ chai bia bị vỡ bên tay phải đâm trúng vào 02 bàn tay của bà D gây thương tích chảy máu. Sau đó, K chạy trốn và ném 02 vỏ chai bia bị vỡ xuống ruộng. Sau khi bị thương, ông T2 lấy xe mô tô của mình ở gần cổng nhà ông T, gặp H1 và tiếp tục xảy ra cãi vã, đánh nhau bằng tay nhưng không gây ra thương tích. Sau đó những người bị thương tích gồm ông T2, bà D, bà H được người thân đưa đi cấp cứu, điều trị.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 167/KLTTCT-PYPY ngày 17/5/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh P kết luận: Tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Văn T2 là 07%; vật tác động: Vật tày + vật có cạnh sắc.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 166/KLTTCT-PYPY ngày 17/5/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh P kết luận: Tổn thương cơ thể của bà Nguyễn Thị H là 04%; vật tác động: Vật tày.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 165/KLTTCT-PYPY ngày 17/5/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh P kết luận: Tổn thương cơ thể của bà Đỗ Thị Thúy D là 04%; vật tác động: Vật có cạnh.

Ngày 07/6/2025, bà Đỗ Thị Thúy D, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu khởi tố vụ án vụ án hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKSKV14 ngày 02/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk truy tố bị cáo Nguyễn Vĩnh K về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Vĩnh K trình bày: Khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Bị hại ông T2, bà H và bà D thống nhất trình bày: Giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm như số tiền các bị hại yêu cầu tại đơn trình bày và yêu cầu bồi thường dân sự trong vụ án hình sự ngày 12/3/2026.

Kiểm sát viên trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng số 17/CT-VKSKV14 ngày 02/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị HĐXX áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Vĩnh K phạm tội "Cố ý gây thương tích", xử phạt bị cáo Nguyễn Vĩnh K từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về dân sự: Đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và các bị hại, cụ thể: bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn T2 tổng số tiền 13.760.297 (*Mười ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn hai trăm chín mươi bảy*) đồng; bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 10.199.931 (*Mười triệu một trăm chín mươi chín nghìn chín trăm ba mươi mốt*) đồng; bà Đỗ Thị Thúy D 12.733.509 (*Mười hai triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn năm trăm lẻ chín*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 mảnh vỡ của vỏ chai thủy tinh có chiều dài 03 cm (*theo biên bản giao nhận, vật chứng ngày 04/12/2025 giữa Phòng thi hành án dân sự khu vực 14 – Đắk Lắk và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ*).

Về án phí: Buộc bị cáo K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đối với Nguyễn Văn T và Nguyễn Gia H1 có hành vi dùng tay, chân đánh Đỗ Thị T3, Nguyễn Thị H, Đỗ Hữu T4, Nguyễn Văn T2 nhưng không gây thương tích; T và H1 không bàn bạc thống nhất hoặc kích động, giúp sức cho Nguyễn Vĩnh K sử dụng hung khí nguy hiểm đánh người khác nên không đồng phạm với K về tội Cố ý gây thương tích.

Đối với Đỗ Thị T3, Nguyễn Thị H, Đỗ Thị Thúy D, Nguyễn Văn T2 có hành vi xô xát, chửi bới nơi công cộng gây mất an ninh trật tự nhưng tính chất, mức độ chưa đủ cấu thành tội phạm Gây rối trật tự công cộng. Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn T, Nguyễn Gia H1, Đỗ Thị T3, Nguyễn Thị H, Đỗ Thị Thúy D, Nguyễn Văn T2

Do đó, đề nghị HĐXX không xem xét các vấn đề trên.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, VKSND khu vực 14 – Đắk Lắk và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, HĐXX căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Vĩnh K tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bản ảnh, các kết luận giám định (BL 88 – BL 90, BL 118 – BL 119, BL 144 – BL 145) và phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 10/4/2025, tại thôn E, xã X, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Vĩnh K có hành vi sử dụng 02 vỏ chai bia (là hung khí nguy hiểm) đánh, gây thương tích cho ông Nguyễn Văn T2 tỷ lệ 07%; bà Nguyễn Thị H tỷ lệ 04% và bà Đỗ Thị Thúy D tỷ lệ 04%. Do đó, Cáo trạng số 17/CT-VKSKV14 ngày 02/12/2025 của VKSND khu vực 14 – Đắk Lắk truy tố bị cáo Nguyễn Vĩnh K về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khoẻ của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do mâu thuẫn trong chuyện nợ nần của người thân, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có tham gia nghĩa vụ quân sự và bị cáo có bà nội là Phan Thị N1 là người có công cách mạng là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với nhiều người. Ngày 23/3/2026, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ có văn bản số D250/VPCQCSĐT thông báo bị cáo K có hành vi dùng dao gây thương tích cho người khác; thể hiện bị cáo có thái độ coi thường pháp luật và sức khỏe của người khác. Do đó, HĐXX không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự và chấp nhận mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị đối với bị cáo mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về phần dân sự:

Ngày 12/3/2026, Tòa án nhận được Đơn trình bày và yêu cầu bồi thường dân sự của ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị H và Đỗ Thị Thúy D, cụ thể:

[4.1] Ông T2 yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản thiệt hại sau:

Chi phí điều trị tại bệnh viện (BL 114, BL 97) với tổng số tiền 4.420.297đ.

Tiền mất thu nhập: 500.000đ/ngày x 05 ngày = 2.500.000đ.

Tiền xe chở đi cấp cứu và về: 350.000đ/lượt x 2 = 700.000đ.

Tiền xe chở đi giám định: 1.800.000đ.

Tiền tổn thất tinh thần: 01 tháng lương tối thiểu là 2.340.000đ.

Tiền công người nuôi những ngày nằm viện: 400.000đ/ngày x 05 ngày = 2.000.000đ.

Tổng cộng: 13.760.297đ (*Mười ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn hai trăm chín mươi bảy đồng)*.

[4.2] Bà H yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản thiệt hại sau:

Chi phí điều trị tại bệnh viện (BL 142, BL 126, BL 128) với tổng số tiền 3.359.931đ.

Mất thu nhập: 400.000đ/ngày x 05 ngày = 2.000.000đ.

Tiền xe chở đi cấp cứu và về: 350.000đ/lượt x 2 = 700.000đ.

Tiền xe chở đi giám định: 1.800.000đ.

Tiền tổn thất tinh thần, 01 tháng lương tối thiểu là 2.340.000đ.

Tiền công người nuôi những ngày nằm viện: 400.000đ/ngày x 05 ngày = 2.000.000đ.

Tổng cộng: 12.199.931đ (*Mười hai triệu một trăm chín mươi chín nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng*). Bị cáo đã bồi thường cho bà H 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Bà H yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường: 10.199.931đ (*Mười triệu một trăm chín mươi chín nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng*).

[4.3] Bà D yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản thiệt hại sau:

Chi phí điều trị điều trị tại bệnh viện (BL 142, BL 126, BL 128) với tổng số tiền 4.393.509đ.

Mất thu nhập: 300.000đ/ngày x 05 ngày = 1.500.000đ.

Tiền xe chở đi cấp cứu và về: 350.000đ/ lượt x 2 = 700.000đ.

Tiền xe chở đi giám định: 1.800.000đ.

Tiền tổn thất tinh thần: 01 tháng lương tối thiểu là 2.340.000đ.

Tiền công người nuôi những ngày nằm viện: 400.000đ/ngày x 05 ngày = 2.000.000đ.

Tổng cộng: 12.733.509đ (*Mười hai triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn năm trăm lẻ chín đồng).*

HĐXX xét thấy:

Tại phiên tòa, các bị hại giữ nguyên yêu cầu bị cáo K bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm các khoản như trên, bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại. Do đó, HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và các bị hại về việc bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn T2 tổng số tiền 13.760.297đ (*Mười ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn hai trăm chín mươi bảy đồng*); bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 10.199.931đ (*Mười triệu một trăm chín mươi chín nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng*); bà Đỗ Thị Thúy D 12.733.509đ (*Mười hai triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn năm trăm lẻ chín đồng*).

[5] Vật chứng vụ án: 01 mảnh vỡ của vỏ chai thủy tinh có chiều dài 03 cm là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy (*theo biên bản giao nhận, vật chứng ngày 04/12/2025 giữa Phòng thi hành án dân sự khu vực 14 – Đắk Lắk và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ*).

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Vĩnh K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Văn T và Nguyễn Gia H1 có hành vi dùng tay, chân đánh Đỗ Thị T3, Nguyễn Thị H, Đỗ Hữu T4, Nguyễn Văn T2.

Đối với việc ông Nguyễn Văn T có hành vi xúi giục bị cáo K gây thương tích cho ông H2.

Ngày 10/9/2025 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk có quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ hành vi của Nguyễn Văn T và Nguyễn Gia H1 có đồng phạm với Nguyễn Vĩnh K về tội Cố ý gây thương tích hay không.

Ngày 10/11/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ ban hành kết luận điều tra bổ sung vụ án hình sự và xác định không đủ căn cứ để quy buộc là đồng phạm với hành vi cố ý gây thương tích do bị cáo K đã thực hiện.

HĐXX xét thấy:

Nguyễn Văn T và Nguyễn Gia H1 có hành vi dùng tay, chân đánh Đỗ Thị T3, Nguyễn Thị H, Đỗ Hữu T4, Nguyễn Văn T2 nhưng không gây thương tích cho bà T3, bà H, ông T4 và ông T2. Ông Nguyễn Văn T và Nguyễn Gia H1 không có hành vi bàn bạc, xúi giục, giúp sức cho Nguyễn Vĩnh K sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho ông T2, bà H và bà D.

Đối với việc ông T có hành vi xúi giục bị cáo K gây thương tích cho ông H2 nhưng ông H2 không bị thương tích.

Do đó, HĐXX chấp nhận kết luận điều tra bổ sung vụ án hình sự ngày 10/11/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, xác định không đủ căn cứ để buộc ông T và ông H1 đồng phạm với hành vi cố ý gây thương tích do bị cáo K gây ra.

Đối với Đỗ Thị T3, Nguyễn Thị H, Đỗ Thị Thúy D, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T, Nguyễn Gia H1 có hành vi xô xát, chửi bới nơi công cộng gây mất an ninh trật tự nhưng tính chất, mức độ chưa đủ cấu thành tội phạm Gây rối trật tự công cộng. Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn T, Nguyễn Gia H1, Đỗ Thị T3, Nguyễn Thị H, Đỗ Thị Thúy D, Nguyễn Văn T2.

Do đó, HĐXX không xem xét các vấn đề nêu trên.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 590 Bộ luật dân sự; Điều 106 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Vĩnh K phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

3. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Vĩnh K 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Về dân sự:

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và các bị hại về việc bị cáo Nguyễn Vĩnh K phải bồi thường các bị hại, cụ thể: bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn T2 tổng số tiền 13.760.297đ (*Mười ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn hai trăm chín mươi bảy đồng*); bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 10.199.931đ (*Mười triệu một trăm chín mươi chín nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng*); bà Đỗ Thị Thúy D 12.733.509đ (*Mười hai triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn năm trăm lẻ chín đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về vật chứng:

Tịch thu, tiêu huỷ 01 mảnh vỡ của vỏ chai thủy tinh có chiều dài 03 cm (*theo biên bản giao nhận, vật chứng ngày 04/12/2025 giữa Phòng thi hành án dân sự khu vực 14 – Đắk Lắk và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ*).

6. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Vĩnh K phải chịu **200.000**đ (*Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và **1.834.686**đ (*Một triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV 14 – Đắk Lắk;
- CQCSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk (Địa chỉ: Tổ địa bàn số 7 – 26 Lê Thành Phương, thôn Chí Thạnh, xã Tuy An Bắc, Đắk Lắk);
- Phòng Thi hành án dân sự KV 14 - Đắk Lắk;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ngọc Hà